

Bản án số: 273/2024/DS-ST

Ngày 29 – 8 – 2024

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Anh Minh

2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng M**, Sinh năm: 1951.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã TV, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **Trương Thị T**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp BD, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trương Thị Th1**, sinh năm: 1962.

- Ông **Nguyễn Quốc Th2**, sinh năm: 1968.

- Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1989

- Chị **Nguyễn Thị Th3**, sinh năm: 1995.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BD, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Ông **Trương Văn Ngh**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ cư trú: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bà **Trương Thị B**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ cư trú: Ấp CG, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà **Nguyễn Thị L2**, sinh năm: 1962.

- Anh **Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ**, sinh năm: 1996.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Hoàng M trình bày và xác định yêu cầu như sau: Tháng 8/2022 ông thỏa thuận với bà Nguyễn Thị L2 để mua nhà và đất thuộc thửa số 164, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.885m² tọa lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C do con bà L2 là Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ đứng tên chủ sử dụng đất. Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên cho ông vào ngày 23/8/2022 và ông đã được cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý sang tên chủ sử dụng đất ngày 10/10/2022. Đất này là đất bà Ngô Thị K (mẹ bà Trương Thị T) chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L2, được lập thành hợp đồng tặng cho giữa bà Ngô Thị K với Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ. Bà Nguyễn Thị L2 đã dẫn ông xem nhà, đất trên của bà K và giao nhà, đất cho ông nhưng không giao cụ thể vị trí, ranh giới thửa đất ở vị trí nào trên thực địa mà chỉ giao nhà, đất bằng lời nói. Lúc bà L2 giao đất cho ông không có mặt bà T. Đến nay bà T là người trực tiếp quản lý nhà đất vẫn đang lưu trú tại nhà, không giao nhà và đất cho ông. Nay ông yêu cầu bà T giao cho ông phần đất cùng với căn nhà trên đất thuộc thửa số 164, tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau trong đó có 300m² đất thổ cư và 1.585m² đất vườn. Ông tự nguyện để lại cho gia đình bà K một phần diện tích mộ cùng với đường đi vào mộ chiều ngang 01m, chiều dài đến mộ, vị trí phía bên trái thửa đất, loại đất vườn.

Bà Trương Thị T trình bày và xác định quan điểm như sau: Bà là con ruột của bà Ngô Thị K. Bà K đã qua đời vào ngày 12/02/2022. Bà K có 05 người con gồm bà, ông Trương Văn Ngh, bà Trương Thị Th1, bà Trương Thị B, bà Trương Thị H (bà H đã chết). Ngày 20/8/1996 bà K được UBND thị xã C (nay là thành phố C) cấp quyền sử dụng thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.885m² - đất hiện tọa lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trước đây do cần tiền để trả nợ Ngân hàng và sử dụng, bà được bà Lữ Thu H (tên gọi khác là Hz) giới thiệu bà vay tiền từ ông Trần Văn Lz 300.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng. Bà nhận tiền từ ông Lz và ký nhận nợ, đưa ông Lz giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ bà. Sau đó lúc vợ chồng bà vắng nhà, ông Lz điện cho bà thông báo việc sẽ lăn tay bà K để vay ngân hàng lãi suất thấp. Vài tháng sau ông Lz yêu cầu bà đóng lãi, không đóng sẽ bán đất của mẹ bà nên lúc đó bà đã không đồng ý. Giờ biết được đất tặng cho qua con bà L2, qua ông M. Gia đình bà không biết ai tên Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ Trên đất có nhiều mồ mã của ông bà của bà, của mẹ bà, người thân của mẹ bà. Bà K lớn tuổi, không có người thân chứng kiến mà lập hợp đồng tặng cho đất cho người khác là không hợp lý. Nay ông Nguyễn Hoàng M trình bày ông là chủ sử dụng thửa đất 164 và yêu cầu bà giao nhà đất thì bà không đồng với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Ngày 25/12/2019, qua giới thiệu của ông Trần Văn Lz, bà đồng ý nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị K đối với thửa đất số 164, tờ

bản đồ số 06 hiện tọa lạc tại ấp BD, xã DB, thành phố C, tỉnh Cà Mau để cho bà Trương Thị T (con bà K) vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Đến hạn thanh toán nhưng bà T không thanh toán, chỉ thanh toán cho bà được 01 (một) tháng tiền lãi. Đến tháng 5/2020 bà T yêu cầu bà nhận chuyển nhượng thửa đất bà đã nhận thế chấp với giá 500.000.000 đồng. Sau khi đến đất để xem nhà và đất thì bà đồng ý nhận chuyển nhượng. Khi thoả thuận nhận chuyển nhượng thì bà thoả thuận với bà K và bà T. Đặc điểm tài sản nhận chuyển nhượng: Trên đất có hai căn nhà và một cái bên cạnh là đường đi vô nhà sau (nhà mái thiếc, cửa cây, vách xi măng, khung gỗ, nền gạch từ nhà trước đến nhà sau, khung cây gỗ toàn bộ); đất ngang 12,5 hay 13,5m bà không nhớ, dài hết hậu; phía sau nhà toàn đất và nước; nhìn từ lộ nhìn vào thì phía bên trái có mương ngang khoảng 60cm. Trên đất không còn gì khác. Sau khi thoả thuận mua bán xong, đến ngày 22/5/2020 bà nhờ con trai bà là Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ đứng tên ký hợp đồng nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên với bà Ngô Thị K theo yêu cầu của bà K. Ngày 23/5/2020 bà đưa bà T thêm 100.000.000 đồng là đủ 500.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng đất. Bà K và bà T đã giao nhà và đất cho bà; bà nhận nhà đất nhưng không đo đạc lại diện tích, cũng không lập biên bản giao nhận nhà đất. Bà K và bà T xin ở lại trên đất và hứa khi nào bà bán nhà đất này cho người khác thì bà K và bà T sẽ giao nhà đất. Đến ngày 22/8/2022 bà chuyển nhượng lại nhà và đất trên cho ông Nguyễn Hoàng M với giá 570.000.000 đồng và nhờ Đ ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông M. Bà đã bàn giao đất cùng căn nhà trên đất cho ông M xong, cũng giao nhà đất bằng lời nói, không giao cụ thể ranh giới, kích thước thửa đất. Từ khi bà nhận chuyển nhượng đến khi bà chuyển nhượng lại nhà đất cho ông M thì bà chưa quản lý nhà đất vì bà K và bà T xin ở lại. Việc xin ở lại và cho ở lại trên đất cũng chỉ bằng lời nói. Nay bà yêu cầu bà T giao nhà và đất cho bà để bà giao nhà đất cho ông M.

Tại đơn trường trình đề ngày 22/5/2023, anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đăng trình bày: Mẹ anh bà Nguyễn Thị L2 là người mua đất của bà Ngô Thị K. Do mẹ anh không đi được nên nhờ anh đứng tên giấy chủ quyền. Sau đó mọi việc do mẹ anh quyết định. Anh không biết gì, chỉ là người đứng tên thay mẹ anh. Mẹ anh là người mua đất và là chủ thật sự của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh. Anh Đ xin được vắng mặt, không tham dự phiên toà.

Bà Trương Thị Th1 trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M do yêu cầu của ông M không hợp lý. Đất ông M đòi bà T giao là đất có nguồn gốc của ông bà, tổ tiên của bà. Trên đất có nhiều mồ mã của ông bà, người thân của bà, mẹ bà (bà Ngô Thị K). Mẹ bà không thể công chứng bán đất của ông bà cho người khác. Bà Th1 yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà.

Bà Trương Thị B trình bày: Bà là con của bà Ngô Thị K. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M. Phần đất tọa lạc tại ấp BD, xã DB, thành phố C ông M yêu cầu bà T giao là đất bà T (em bà), ông Nguyễn Quốc Th2 (em rể bà) và bà Trương Thị Th1 (chị bà) quản lý, có nguồn gốc của ông bà để lại cho bà K. Trên đất có nhiều mồ mã của ông bà, người thân của bà chôn cất từ lâu. Ông M mua đất của ai bà không biết. Bà T vay tiền của ai thì tự trả. Bà Th1 và bà T ở trên

đất của mẹ bà, từ trước đến nay có chuyện gì liên quan đến đất cũng hỏi ý kiến của anh, chị em bà và dòng họ mới quyết định vì đất không phải do mẹ bà khai phá. Mẹ bà đã lớn tuổi, không đi lại được thời gian dài trước khi chết nên bà không đồng ý việc mẹ bà bán hoặc tặng cho đất cho người khác mà không có người thân trong gia đình chứng kiến. Bà không đồng ý giao đất cho ông M hay bất kỳ người nào khác. Bà B không đồng ý hoà giải, yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà.

Ông Trương Văn Ngh trình bày: Ông là con của bà Ngô Thị K. Nhà và đất em ông là Trương Thị Th1, Trương Thị T đang ở tại ấp BD, xã Đ B, thành phố C, tỉnh Cà Mau là đất phụ âm ông bà để lại cho mẹ ông. Trên đất có nhiều mồ mã của ông, bà, cha, mẹ, bà con của ông được chôn cất đã lâu. Ông không biết chuyện nợ nần của em ông. Trước khi bà K chết, bà K đã không tự đi lại được nhiều năm, lúc nhớ lúc quên. Ông không đồng ý hoà giải và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M. Ông Ngh yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt ông.

Ông Trương Quốc Th2 trình bày: Ông là con rể của bà Ngô Thị K, sống chung nhà với bà K hơn ba mươi năm nhưng ông không biết ai tên Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ, cũng không hay biết gì về giao dịch giữa bà K với Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ. Lúc ông M, bà L2 đến nhà thì bà T vắng nhà, ông không biết chuyện tặng cho hay chuyển nhượng gì với ông M. Ông Th2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Chị Nguyễn Thị L (con bà T) trình bày: Ông Nguyễn Hoàng M mua đất của ai chị không biết. Trên đất có mồ mã của ông bà chị. Chị không đồng ý giao đất cho ông M, không hoà giải với ông M và yêu cầu Toà án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C trình bày quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí và chi phí tố tụng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Nguyễn Hoàng M khởi kiện bà Trương Thị T, yêu cầu bà T giao cho ông nhà và đất ông đã được ghi nhận thông tin chủ sử dụng đất đối với phần đất ông nhận chuyển nhượng từ anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ. Do đó, tranh chấp giữa ông M với bà T được xác định là tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai, được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp quyền sử dụng đất. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Phần đất là đối tượng tranh chấp tọa lạc tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trương Văn Ngh, bà Trương Thị B, bà Trương Thị Th1, chị Nguyễn Thị L yêu cầu Toà án xét xử vụ án vắng mặt; chị Nguyễn Thị Th3 đã được triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia

phiên toà xét xử nhưng vắng mặt. Anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ vắng mặt tại phiên toà, đã uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị L2 đại diện tham gia tố tụng. Do đó hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ngh, bà Th1, bà B, chị L, chị Th3 và anh Đ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hoàng M xác định ông hiện là chủ sử dụng đất về mặt pháp lý của thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06 toạ lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C do ông nhận chuyển nhượng hợp pháp thông qua hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với người được chứng nhận quyền sử dụng đất là Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ. Bà Trương Thị T đang ở trên đất của ông nên ông yêu cầu bà T giao trả nhà và đất cho ông quản lý, sử dụng. Bà L2 trình bày: Bà là người mua nhà và đất của bà K thừa đất số 164; bà K và bà T (con bà K) đã giao nhà đất cho bà (giao bằng lời nói, chưa giao cụ thể ranh giới đất); bà K và bà T xin ở lại trên đất nên bà chưa quản lý đất; bà đã bán lại nhà đất cho ông M và giao nhà đất cho ông M cũng bằng lời nói, không giao cụ thể vị trí, ranh giới đất trên thực địa; ông M đã được chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà L2 yêu cầu bà T giao đất cho bà để bà giao đất cho ông M. Bà T, ông Ngh, bà Th1, bà B, ông Th2, chị L (là con, cháu, rể của bà Ngô Thị K) không đồng ý giao nhà và đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M. **Hội đồng xét xử xét thấy:** Trước khi ông Nguyễn Hoàng M và anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06 toạ lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C thì thửa đất số 164 nêu trên là đất bà Ngô Thị K được cấp quyền sử dụng vào ngày 20/8/1996. Trên đất có nhà của bà Ngô Thị K. Theo kết quả thẩm định tại chỗ của Toà án thì trên thửa đất số 164 có rất nhiều ngôi mộ, trong đó có mộ của bà K. Chứng cứ là văn bản thể hiện giao dịch giữa anh Đ với bà K là giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất; giao dịch giữa anh Đ với ông Mi cũng là giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất. Tuy nhiên bà L2, anh Đg và ông M đều xác định là giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Bà K thì đã chết. Bà L2 trình bày bà đã nhận bàn giao đất bằng lời nói từ bà K và bà T, sau đó bà đã bàn giao lại nhà và đất bằng lời nói cho ông M sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M; bà L2 cũng thừa nhận từ khi nhận bàn giao nhà đất đến khi bà giao lại nhà và đất cho ông M thì bà chưa quản lý nhà đất trên vì bà K và bà T xin ở lại. Tuy nhiên bà L2 không chứng minh được bà T, bà K ở trên đất là xin ở lại và được sự đồng ý của bà. Ông M xác định ông đã nhận bàn giao nhà đất bằng lời nói nhưng ông chưa quản lý nhà đất vì bà T và người thân của bà T không đồng ý giao đất. Đến thời điểm này con ruột của bà K là bà Trương Thị Th1 và Trương Thị T là người đã và đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất cùng với chồng bà T là ông Trương Quốc Th2 và con bà T là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Th3 ở trên đất. Điều đó thể hiện bà Ngô Thị K chưa thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 164 với bà Nguyễn Thị L2, bà L2 cũng chưa thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng với ông Nguyễn Hoàng M. Hợp đồng giữa ông M với bà L2 chưa thực hiện xong nên ông M có quyền khởi kiện bà L2 (về mặt pháp lý là Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ) để yêu cầu thực hiện hợp đồng anh Đ đã ký với ông M. Người thừa kế của bà K không đồng ý hợp đồng đã ký giữa bà K với anh Đg thì bà L2, anh Đ có quyền khởi kiện người thừa kế của bà K yêu cầu thực hiện hợp đồng bà K đã ký. Quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Toà án đưa vụ án ra xét xử, bà

L2 không có yêu cầu độc lập yêu cầu bà T (người thừa kế của bà K) thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà K với bà. Nay tại phiên toà bà L2 yêu cầu bà T thực hiện hợp đồng của bà K, giao nhà và đất cho bà để bà giao cho ông M nên yêu cầu của bà L2 không có cơ sở xem xét. Ông M không có giao dịch chuyển nhượng với bà T. Ông M ký hợp đồng và thoả thuận chuyển nhượng với bà L2 và anh Đg nhưng nay ông M lại tranh chấp với bà T (con của bà Ngô Thị K) yêu cầu bà T giao nhà đất là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng trong vụ án là chi phí đo đạc đất tranh chấp phục vụ việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Hoàng M đã tạm ứng chi phí đo đạc cho Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên toà ông M xác định do không thực hiện được việc đo đạc nên Trung tâm đã trả lại ông một phần tiền ông đã tạm ứng, số tiền bao nhiêu ông không nhớ. Do yêu cầu của ông M không được chấp nhận nên ông M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông M đã thanh toán chi phí cho Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc - Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau nên không xem xét việc hoàn trả.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông M không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông M là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do đó Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí cho ông M theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 95, 100, 103, 203 của Luật đất đai;
- Căn cứ các Điều 165, 166 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 147, 157, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 12, 14, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng M về việc yêu cầu bà Trương Thị T giao cho ông nhà và đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.885m², tọa lạc tại ấp BD, xã ĐB, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng M phải chịu. Ông M được miễn nộp tiền án phí nên ông M không phải nộp án phí.

3 - Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng M, bà Trương Thị T, ông Nguyễn Quốc Th2, bà Nguyễn Thị L2, anh Lê Nguyễn Hoàng Duy Đ có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Văn Ngh, bà Trương Thị Th1, bà Trrương Thị B, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Th3 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân